

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/9/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Bà Huỳnh Ngọc Tím;*

*2/- Bà Đặng Thị Thu Thảo.*

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*1/- Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1980;

*Địa chỉ:* Ấp B, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*2/- Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1980.

*Địa chỉ:* Ấp Bắc, xã Tân Phú, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

*Chị T và anh K vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng K chung sống với nhau đầu năm 2012, đến ngày 24/8/2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh K không phụ lo nuôi con mà cờ bạc, ghen tuông mù quáng, kiếm chuyện đánh đập chị vô cớ làm cho chị lo sợ không dám chung sống với anh K nữa, vì thương con nên chị cố gắng khuyên can anh K nhưng anh K vẫn không thay đổi, đánh đập chị ngày càng nhiều. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay không còn khả năng hàn gắn. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giữa chị và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1 sinh ngày 29/11/2013, chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không có.

\* Bị đơn anh Nguyễn Đăng K không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

**\*Tại phiên phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Đăng K vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Trần Thị Lệ T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Nguyễn Đăng K là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

### **[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Trần Thị Lệ T đã giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 17/2012 ngày 02/3/2012 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị Trần Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị T xác định giữa chị và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh K có hành vi đánh đập chị làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh K đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Anh K không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh K không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị T và lời trình bày chị T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh K là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

### **[3]. Về con chung:**

- Chị T yêu cầu giao 01 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K không có văn bản phản đối việc chị T yêu cầu nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu nuôi con chung của chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện của chị T xác định giữa chị và anh K không có tài sản chung, anh K không có yêu cầu.

[5]. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **\* Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng K.

2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1 sinh ngày 29/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0540 ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị T và anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: T, K;
- UBND xã Tân Phú, TX Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Ánh Tuyết**

